

VẤN ĐỀ TÌNH YÊU VÀ HÔN NHÂN TỪ GÓC NHÌN CỦA MỘT SỐ CÂY BÚT NỮ TRONG BỐI CẢNH VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỈ XX

ĐẶNG THỊ THÁI HÀ*

Tóm tắt: Những năm đầu thế kỉ XX, xã hội Việt ghi dấu sự chuyển mình rõ rệt trong những quan niệm về tình yêu và hôn nhân. Bài viết chỉ ra cách những tiếng nói nữ đã góp phần vào cuộc tranh luận và định hình lại hình dung về tình yêu và hôn nhân lúc bấy giờ. Từ đó, bài viết cho thấy một sự thỏa thuận của các cây viết nữ với truyền thống trong việc kế thừa các mô hình luân lí cũng như những mô thức tự sự, đồng thời chỉ ra những điểm mới mẻ có tính cách mạng và giàu tinh thần nữ quyền được đề xuất trong trước tác của các tác giả nữ ngay từ những năm 1920, trước khi có những trào lưu văn chương nổi bật lên tiếng về vấn đề tình yêu và hôn nhân như tác phẩm của Tự Lực văn đoàn.

Từ khóa: quan niệm tình yêu, hạnh phúc cá nhân, quyết định hôn nhân, người nữ, tác giả nữ.

LOVE AND MARRIAGE ISSUES FROM THE PERSPECTIVES OF FEMALE WRITERS IN EARLY 20TH-CENTURY VIETNAM

Abstract: In the early decades of the 20th century, Vietnamese society witnessed a distinct emergence and transformation in perceptions of love and marriage. This article seeks to elucidate how female voices contributed to these debates and reshaped the conceptualization of love and marriage during this era. Furthermore, it demonstrates a strategic negotiation by female writers with tradition, through the inheritance of moral frameworks and narrative patterns. Simultaneously, it highlights the revolutionary and feminist innovations proposed by female authors as early as the 1920s, predating the prominent literary movements (most notably the Self-Reliance Literary Group) that later championed these themes.

Keywords: conceptions of love, personal happiness, marital decision-making, female subjects, female writers.

Ngày nhận bài: 28.02.2026; ngày gửi phản biện: 28.02.2026;

ngày nhận bài sửa: 09.03.2026; ngày duyệt đăng: 10.03.2026.

1. Đặt vấn đề

Viết về sự chuyển đổi trong đời sống xã hội Việt Nam những năm đầu thế kỉ XX, David G. Marr cho rằng đây là thời kì xã hội Việt phải đối mặt với những thay đổi từ gốc rễ, dẫn đến hệ quả tất yếu là những mối quan hệ liên cá nhân (interpersonal relations) cũng phải đứng trước những đòi hỏi chuyển đổi và không thể nào giữ nguyên như trước¹. Sự thay đổi trong những quan hệ liên cá nhân thể hiện rõ ràng hơn cả trong quan hệ yêu đương, hôn

* ThS. - Viện Văn học. Email: hadtt.iol@vass.gov.vn

¹ David G. Marr, *Vietnamese Tradition on Trial: 1920-1945* (California Press, 1981), 191.

nhân và gia đình. Những chuyển đổi trong quan niệm về tình yêu và hôn nhân không tách rời với các vấn đề nổi cộm trong xã hội bấy giờ như “nam nữ bình quyền”, sự trao quyền và lên tiếng cho nữ giới, sự phản kháng với lễ giáo phong kiến và sự nổi lên của ý thức cá nhân. Một khi chủ thể tự ý thức về khả năng tự do chọn lựa và chính xã hội cũng mở ra thêm những tiềm năng lựa chọn mới cho mỗi người, việc chọn lựa người mình yêu và người mình chung sống dần trở thành một quyết định cá nhân, trong thế phân biệt với phán quyết của tập thể (như gia đình, dòng tộc). Nếu như khi đặt vấn đề về phụ nữ, Marr tập trung phân tích những mối quan hệ liên cá nhân trong gia đình (quan hệ giữa cha mẹ - con cái, vợ - chồng, anh chị em), coi gia đình là một địa hạt ánh xạ và thể hiện rõ nét nhất những đứt gãy và chuyển đổi trong đời sống xã hội thì rõ ràng là không thể tách rời những quyết định tình yêu và hôn nhân của mỗi cá nhân với những quan hệ gia đình mà cá nhân ấy thuộc về¹. Sự ràng nít hay độ mở của truyền thống, sự thương thỏa của mỗi cá nhân với gia đình, dòng họ thể hiện rõ hơn cả trong những quyết định về hạnh phúc lứa đôi. Những sự kiện xã hội nổi bật được thảo luận nhiều trên mặt báo thời bấy giờ như hiện tượng “phụ nữ tự sát”² thực chất cũng nằm trong chính sự thương thỏa và kháng cự này của người nữ với các vai trò giới vốn được quy phạm trong cấu trúc gia đình.

Sự nổi lên của câu chuyện về tự do yêu đương và hôn nhân trong văn học Việt Nam đầu thế kỉ XX đã là một vấn đề được bàn đến trong nhiều nghiên cứu và chủ yếu xoay quanh *Tổ Tâm* (1925) của Hoàng Ngọc Phách hay các sáng tác của Tự Lực văn đoàn³. Bài viết mong muốn làm phong phú thêm thảo luận này bằng việc giới thiệu những tiếng nói nữ cũng đã góp phần vào sự chuyển dịch mang tính xã hội trong cái nhìn về tình yêu và hôn nhân những năm đầu thế kỉ XX. Nói như Beall và Sternberg, “tình yêu là sản phẩm của mỗi nền văn hóa gắn với từng giai đoạn lịch sử riêng”⁴, những tranh luận và kiến tạo văn chương giai đoạn này về cách hình dung tình yêu hay hôn nhân vừa thể hiện những kì vọng mới về tình yêu đôi lứa, vừa ghi nhận những động thái thỏa hiệp hay khước từ với quá khứ. Để làm sáng tỏ điều đó, bài viết tập trung phân tích các thảo luận và sáng tác của một số cây bút nữ tiêu biểu, trong đó có Đạm Phương nữ sử (hay Đạm Phương) và Phan Thị Bạch Vân.

¹ Marr, *Vietnamese Tradition on Trial*, 191.

² Xem Nguyễn Nam, “Phụ nữ tự sát - lỗi tại tiểu thuyết? (Một góc nhìn về phụ nữ với văn chương - xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX),” *Khoa Văn học*, ngày 22.5.2018, <http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/nghien-cuu/ly-luan-va-phe-binh-van-hoc/7017-phu-nu-tu-sat-loi-tai-tieu-thuyet?>

³ Xem thêm: Trương Từ, “*Tổ Tâm* của Song An,” *Loa*, số 75, ra ngày 25.07.1935; Phạm Thế Ngũ, *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên*, Tập III (Quốc học tùng thư, 1965); Trần Thị Trâm, “Tiểu thuyết *Tổ Tâm* và vị trí của tác phẩm trong quá trình phát triển của tiểu thuyết Việt Nam hiện đại” (Luận án phó tiến sĩ khoa học, Đại học Sư phạm Hà Nội, 1996); Đỗ Minh Thúy, “Cái tôi lãng mạn và nhân vật *Tổ Tâm* của nhà văn Hoàng Ngọc Phách”, *Tạp chí Văn học*, số 2 (1997); Đào Thị Hải Thanh, *Người đọc và các không gian tiếp nhận văn học: Về lịch sử tiếp nhận tiểu thuyết Tự Lực văn đoàn* (NXB Hội Nhà văn, 2025).

⁴ Anne E. Beall and Robert J. Sternberg, “The Social Construction of Love,” *Journal of Social and Personal Relationships*, issue 3 (1995): 419.

2. Thảo luận về tình yêu và hôn nhân trên báo chí quốc ngữ đầu thế kỉ XX

Khi viết về xã hội Việt Nam thời Lê - Mạc và Trịnh Nguyễn phân tranh (1463-1778), Trần Tuyết Nhung chỉ ra rằng trong suốt thời kì này, “hôn nhân là việc của nhà nước, làng xã và gia đình”, chuyện hôn sự cũng được xét đoán từ góc nhìn ấy¹. Hoàn toàn không thấy bóng dáng của “tình yêu” hay “ái tình” trong những cân nhắc hôn nhân này. Nói đúng hơn, hôn nhân khi ấy là một định chế liên quan đến những liên minh kinh tế, tài chính và chính trị của những tập thể rộng lớn hơn².

Tuy nhiên, dù sự cân nhắc tới tình yêu gần như chưa tồn tại, nhưng những tiêu chí về một cuộc hôn nhân “trương xứng”/ “môn đăng hộ đối” cũng làm xuất hiện một hệ thống tiêu chuẩn về các phẩm chất của những chàng trai, cô gái xứng đáng được lựa chọn làm chồng/làm vợ, các tiêu chuẩn truyền thống mà về sau chắc chắn sẽ tiếp tục chi phối việc lựa chọn người yêu của các thanh niên nam nữ Việt Nam, khi ý niệm về ái tình được giới thiệu và phổ cập. Chẳng hạn, như Trần Tuyết Nhung đã phân tích, việc các gia đình “đặt tâm nhìn” và kì vọng vào giới nho sinh trong việc “chọn rể” đã khiến nho sinh trở thành mẫu hình người chồng lí tưởng trong mắt các cô gái thời xưa nói chung.

Mặc dù vậy, sự hiện diện của những thử thách tình yêu và lòng chung thủy của các cặp đôi trong một số truyện Nôm bác học như *Truyện Kiều* của Nguyễn Du hay *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu đã hé lộ sự manh nha của ý thức về tình yêu và hôn nhân trong văn học Việt Nam tiền hiện đại. Việc vay mượn, mô phỏng truyện tài tử - giai nhân Trung Quốc để sáng tác những tác phẩm mới của Việt Nam, trong đó có những tác phẩm có sức ảnh hưởng sâu sắc tới công chúng Việt, điển hình như *Truyện Kiều*, là một trong những nguồn cội sinh thành ý thức này. Câu chuyện về tài tử - giai nhân lặp đi lặp lại qua các phiên bản, với cốt truyện phổ biến là “tra gái định tình, tiểu nhân phá hoại, cuối cùng đoàn viên”³, thậm chí cũng trở thành mô thức tình cảm lứa đôi lí tưởng, không chỉ đem đến hình dung về những cặp đôi nam nữ trong tình duyên ái mà còn gắn những rung động tình cảm lứa đôi này với mộng ước hôn nhân. Dù những mẫu hình đôi lứa được đề xuất qua thể loại này vẫn khá tương đồng với quan niệm trước đó về mẫu hình “nàng dâu, chàng rể” lí tưởng (nữ chính xinh đẹp, tài sắc; nam chính đa phần là nho sĩ, có chí hướng lập thân để “nên công danh” với đời), nhưng nhờ sự hiện diện của tình yêu lãng mạn của cặp đôi nam - nữ, vấn đề hôn nhân cũng theo đó mà dần thoát khỏi hệ quy chiếu do quan hệ kinh tế xã hội quy định. Câu chuyện này tiếp tục được thảo luận ở Việt Nam đầu thế kỉ XX, khi văn hóa, văn minh Âu Tây được truyền nhập, đặc biệt trong những thảo luận và sáng tác văn chương về tình yêu và quan hệ của tình yêu với hôn nhân, trong đó nổi lên tiếng nói của các cây bút nữ. Dù cốt truyện tài tử - giai nhân vẫn chi phối mạnh mẽ đến sáng tác của các tác giả nữ, nhưng bối cảnh hiện đại hóa đã khiến chúng có những góc nhìn và biểu hiện mới về những vấn đề quen thuộc như tình yêu và hôn nhân.

Đầu thế kỉ XX, những tranh luận xã hội xoay quanh yêu cầu nâng tình yêu lên thành điều kiện (hay nền tảng) của hôn nhân, đòi việc cân nhắc hôn sự phải dựa trên tình yêu đôi lứa xuất

¹ Trần Tuyết Nhung, *Các thành tố gia đình. Giới tính, chính quyền và xã hội ở Việt Nam thời kì cận đại, 1463-1778*, Đặng Thị Thanh Dung dịch (NXB Phụ nữ, 2023), 86-87.

² Như trên, 95.

³ Trần Đình Sử, “*Truyện Kiều* và tiểu thuyết tài tử giai nhân Trung Quốc,” *Trần Đình Sử*, ngày 31.03.2021, <https://trandinhso.wordpress.com/2021/03/31/truyen-kieu-va-tieu-thuyet-tai-tu-giai-nhan-trung-quoc/>.

hiện rất nhiều trên mặt báo. Cũng trong giai đoạn này, phụ nữ đã có thể tự lên tiếng về chuyện hôn nhân và tình yêu trên các diễn đàn công khai. Trong một bài viết trên báo *Tiếng dân* năm 1928, tác giả Phạm Thị Viên - cựu nữ sinh trường Đồng Khánh đã trực tiếp bàn về vấn đề hôn phối, xem đó là phương diện tiên quyết để bàn luận về nữ quyền: “muốn xét vấn đề nữ quyền, trước tiên ta nên bàn việc hôn phối”¹. Phạm Thị Viên bắt đầu bằng việc giới thiệu những quan niệm hôn phối của trời Tây, điếm qua rất nhiều tác phẩm kinh điển về văn chương, triết học cũng như khoa học của Pháp, Nga, Anh, Đức chạm tới vấn đề hôn phối. Điều này cho thấy một phổ đọc (hay một kì vọng về phổ đọc) khá rộng của nữ sinh thời bấy giờ. Dù vậy, theo Phạm Thị Viên, không có tác giả nào trong số những người được nêu tên xem xét việc hôn phối một cách kĩ càng và thiết thực như bà Ellen Key - nhà văn, nhà hoạt động xã hội quan tâm đến các vấn đề phụ nữ, nữ quyền người Thụy Điển. Ý tưởng then chốt của Key, như tác giả dẫn ra, là sự “tự chủ”, đặc biệt, nền tảng vững chắc của hôn nhân được bà xác định dựa trên tình cảm lứa đôi: “chỉ có thương nhau mới nên lấy nhau, lấy nhau như thế thời hai bên đều được sung sướng cả”².

Một tiền giả định được xã hội đương thời khẳng định, được Key nhắc tới và Phạm Thị Viên dẫn lại là: “Ngày nay, ai cũng hiểu rằng, ái tình phải là cội rễ của việc hôn phối”³. Dù ở bối cảnh phương Tây hay phương Đông, quan niệm này, hoàn toàn không phải là điều được kế thừa và nói dài từ quá khứ. Dựa trên tiền đề mới về việc lấy tình cảm lứa đôi làm điều kiện cho hôn sự, người viết đề xuất thay đổi luật pháp, chẳng hạn: “Theo luật cũ cha mẹ có phép đoán định việc dựng vợ gả chồng cho con, con không bằng lòng cũng mặc kệ. Sắc lệnh năm 1883 có sửa lại, nói rằng hai bên trai gái có bằng lòng mới được. Nhưng cũ hay mới đều nói rằng nếu cha mẹ không bằng lòng thì không khi nào được. Em không phải nói dài thời chị em cũng biết rằng lệ ấy ít khi hay, mà nhiều khi hại lắm”⁴. Tóm lại, tác giả dùng luận điểm của Ellen Key để khẳng định: “Ngày nay chỉ có thương nhau mới nên lấy nhau, lấy nhau như thế thời hai bên đều được sung sướng cả, cá nhân sung sướng thời nhân quần cũng được sung sướng”⁵. Tình cảm lứa đôi, như thế, không chỉ được coi là “cội rễ” của hôn nhân, mà còn là yếu tố đảm bảo những hạt nhân gia đình hạnh phúc, từ đó là nền tảng của một xã hội hạnh phúc. Tình yêu trai gái không còn là chuyện riêng tư giữa các cá nhân, mà có mối quan hệ với xã hội, hay nói như Beall và Sternberg, có một “vai trò quan trọng với văn hóa”⁶.

Có thể xem đây là một trong những sự chuyển dịch quan trọng nhất: nếu trước đó, hôn nhân sắp đặt giữ vai trò then chốt và là rường cột để đảm bảo trật tự xã hội (bảo toàn quyền lực chính trị và tài sản của tầng lớp thượng lưu quý tộc), thì đến bây giờ, hạnh phúc cá nhân (cụ thể là hạnh phúc của người nữ, được chứng thực qua tự do yêu đương và tự do kết hôn) lại được coi là cơ sở căn bản để có một xã hội bình đẳng và hạnh phúc. Kì vọng mới về tình yêu,

¹ Phạm Thị Viên, “Vấn đề hôn phối,” *Tiếng dân* (số 94, 7 Juillet 1928): 3. In lại trong Lại Nguyên Ân và Nguyễn Kim Hiền (sưu tầm và biên soạn), *Dư luận nữ quyền tại Huế (1926-1929) trên sách báo đương thời* (NXB Phụ nữ, 2021), 257.

² Lại Nguyên Ân và Nguyễn Kim Hiền, *Dư luận nữ quyền tại Huế*, 258.

³ Như trên, 258.

⁴ Như trên, 264.

⁵ Như trên, 258.

⁶ Beall and Sternberg, “The Social Construction of Love,” 426.

bởi vậy, trong bối cảnh này, còn gắn với một kì vọng mới về xã hội, về “nhân tính” và về ý thức công dân của một quốc gia hiện đại, như nhận định của Haiyan Lee trong *Revolution of the Heart* [Cuộc cách mạng của trái tim]: “Tiểu thuyết (tình yêu) lãng mạn cấu thành nên hình dung về cá nhân như là những cá thể tự coi mình là trung tâm, nhất quán và tự trị về mặt đạo đức. Bởi vậy, nó cung cấp những chủ thể lí tưởng nhất cho kiểu nhà nước tự phân biệt mình với những dạng thức gắn kết đặc thù khác như gia đình thông qua việc tán thành một ý niệm mang tính phổ quát về nhân tính”¹. Những phản ứng đối với hôn nhân sắp đặt (đúng hơn là với cả một quan niệm truyền thống về hôn nhân vốn không tính đến ái tình) cũng được bày tỏ khá dữ dội trong bài “Ta nên cải lương tục hôn thú”, mục “Độc giả luận bàn” của tác giả kí tên “T. CH” trên báo *Tiếng dân* ra ngày 05.12.1928. Người viết trực tiếp tấn công và lên án “lòng ích kỉ tham lam khả ố” của những người thuộc thế hệ trước, chỉ muốn “dành cho nhau cái quang cảnh ‘môn đương hộ đối’ để cùng nhau ngắm nghía cái vẻ giàu sang”². Việc hợp thức hóa hôn nhân không tình ái như một cách để đảm bảo quyền lực kinh tế - chính trị vốn phổ biến trong quá khứ nhưng đến thời điểm này đã bị tuyên chiến. Không chỉ thế, sự nhấn mạnh vào tình cảm lứa đôi và tầm quan trọng của nó với hôn nhân tự do còn được đặt trong thế khơi sâu khoảng cách và xung đột thế hệ.

Dù cũng đặt ra một vấn đề như vậy, nhưng đề xuất của Đạm Phương lại có vẻ mang tính hòa hợp (hòa giải) hơn. Đạm Phương, thay vì tuyên chiến, dường như muốn điều hòa giữa ba bên: quyền của cha mẹ, sự ủng hộ của xã hội và “tình ý” của mỗi cá nhân. Một cuộc hôn nhân trọn vẹn, với bà, phải đảm bảo đủ những yếu tố này. Với đôi lứa muốn nên duyên, “đạo vợ chồng dẫu trọng chữ ái tình, nhưng cũng phải coi theo công luận mới hợp nghĩa, ví bằng hai người ưng nhau mà cha mẹ anh em họ hàng không ai thuận cả, thì nào hai người từ hết thấy quyến thuộc mà tìm riêng một cõi lạc thú được hay sao?”; về phần cha mẹ thì “nên để cho đôi niên thiếu, có ưng tình ưa ý nhau [...] chứ không nên ưng ý mình, mà chắc gì hợp với tình ý của con. Đôi bạn suốt đời của con, phải do lòng con kén chọn trước đã, cha mẹ chỉ nên cầm cái cân mà giống hơn kém, phân chia lẽ phải chằng đó mà thôi”³. Trong cái nhìn hài hòa này, Đạm Phương dường như đang chạm tới một yếu tố có sức ảnh hưởng không nhỏ đến tình cảm và quan hệ mỗi cá nhân khi lựa chọn gắn kết với kẻ khác: sự ủng hộ (trong tình yêu là sự tác thành) từ phía xã hội, hay ý niệm “social approval” trong phân tích của Beall và Sternberg. Theo Beall và Sternberg, các dạng thức cảm xúc đặc thù (như tình yêu) và việc thiết lập quan hệ hôn nhân đều chịu sự chi phối của một mạng lưới xã hội nhất định. Mạng lưới ấy quyết định tính khả thi và bền vững của một mối quan hệ yêu đương/hôn nhân⁴. Và điều Đạm Phương đề xuất chính là giảm thiểu tối đa sự xung đột giữa quyết định cá nhân với đòi hỏi của mạng lưới xã hội xung quanh (gia đình/dòng tộc). Thay vì chỉ nhấn mạnh đến khát vọng tự do của người trẻ, điều này thực chất đòi hỏi một sự chuyển đổi trong hệ hình tư duy của những thế hệ trước.

¹ Dẫn theo Ben Tran, *Hậu khoa cử: Nam tính và thẩm mỹ hiện đại ở Việt Nam thời thuộc địa*, Mai Thị Thu Huyền và Đặng Thị Thái Hà dịch (NXB Thế giới, 2025), 131.

² Lại Nguyên Ân và Nguyễn Kim Hiền, *Dư luận nữ quyền tại Huế*, 323.

³ Đạm Phương nữ sử, “Vấn đề hôn giá,” trong *Đạm Phương nữ sử - Vấn đề phụ nữ ở nước ta*, Đoàn Ánh Dương biên soạn (NXB Phụ nữ, 2018), 469-470.

⁴ Beall and Sternberg, “The Social Construction of Love,” 422-423.

Tuy nhiên, song song với việc khẳng định tình yêu phải được xem là nền tảng hay điều kiện tiên quyết của mỗi cuộc hôn nhân, trên dư luận báo chí giai đoạn này dần dần còn xuất hiện một xu hướng ngược lại - một thái độ hoài nghi, nhắc nhở về tính không bền vững của tình yêu, trong đối trọng với đòi hỏi về sự vững chắc của hôn nhân. Như Đạm Phương bày tỏ, “ái tình” là một thứ hết sức mơ hồ, khó nắm bắt, “có khi thịnh có khi suy, thay đổi không chừng [...] sự phiền phức như sóng lượn, như trở bàn tay, lòng người biết lấy chi so, mây so còn mỏng, giấy so còn dày”, trong khi quan hệ vợ chồng gắn với “cang thường đạo lí”, với “phu phụ dĩ nghĩa hiệp”¹. Với Đạm Phương, chỉ “ái tình” không thôi chẳng giúp con người phân biệt được với loài cầm thú: “thời xem ngay như loài vật là đều có ái tình hết thảy”; cái khu biệt con người với các giống vật khác nằm ở “trật tự”, “quy củ”, “luân lí”, “lễ nghĩa”². Tóm lại, theo bà, ái tình là khởi sự của hôn nhân, nhưng “trong khi kết hợp rồi, thời lại càng cần phải trau dồi đức hạnh hơn nữa, dù đàn ông, dù đàn bà, khi nào cũng giữ bổn phận của mình rất chính đáng”³. Những lập luận này một mặt cho thấy góc nhìn Nho giáo còn hết sức đậm nét trong tư tưởng của Đạm Phương, mặt khác thể hiện phản ứng của bà trước những khủng hoảng li hôn đương thời. Lúc này, ái tình không còn được nhìn và khẳng định đơn thuần như một cội rễ vững chắc cho hạnh phúc của mỗi “tế bào” gia đình, từ đó đảm bảo hạnh phúc chung của toàn xã hội, mà được xét đoán, tra vấn lại. Không đổ lỗi hay phủ nhận hoàn toàn tình yêu, nhưng việc quay trở lại với các giá trị truyền thống hé lộ một sự âu lo trước thực tại khi gia đình - vốn được cho là rường mối của xã hội - rơi vào tình trạng lung lay (dù hôn nhân ấy ban đầu có dựa trên tình yêu hay không): “đạo vợ chồng mà coi như luật đồ chơi, thay đổi xem thường, cũng là vì không trọng chữ hôn giá, không chờ lệnh cha mẹ, không chờ người mới chước”⁴.

Những lo âu kiểu này có lẽ không xuất hiện ngay từ đầu thế kỉ XX, mà bắt đầu nở rộ hơn cả trên các diễn đàn từ cuối những năm 20 - đầu những năm 30. Trong đó, Phan Khôi là một trong những người lên tiếng mạnh mẽ hơn cả. Mặc dù không thống nhất với Đạm Phương khi bà cho rằng tự do kết hôn “về phần người ở nước văn minh cực điểm thì không ngại gì”⁵, nhưng ông cũng bày tỏ một niềm ái ngại trước việc: “vợ chồng hay để bỏ nhau, làm cho cái nền gia đình không vững chãi”⁶. Chẳng những thế, Phan Khôi còn cho rằng “sự li hôn dễ dàng và thêm nhiều ra như thế” còn là một “sự bậy”, mà căn nguyên của sự bậy ấy là “hôn nhân tự do” (hay cái quyền “yêu nhau rồi mới lấy” của các cặp đôi)⁷. Giống như Đạm Phương, giải pháp ông đề ra là quay trở về với “một cái luân lí gì cho vững vàng”, để “hạn chế mình” đi thì mới mong “hôn nhân tự do” bớt phần nào gây “hại”⁸.

Những tranh luận này về quan hệ giữa ái tình tự do và hôn nhân thể hiện rõ cái mà David Shumway gọi là “cấm kỵ xã hội” khi bàn về vấn đề li hôn. Li hôn, như Shumway khẳng định,

¹ Đoàn Ánh Dương, *Đạm Phương nữ sĩ*, 442.

² Như trên, 423.

³ Như trên, 444.

⁴ Như trên, 470.

⁵ Như trên, 470.

⁶ “Tơ hồng nguyệt lão với hôn nhân tự do,” *Phụ nữ tân văn*, Sài Gòn, số 20, ra ngày 19.09.1929. In lại trong Lại Nguyên Ân, *Phan Khôi - Vấn đề phụ nữ ở nước ta* (NXB Phụ nữ, 2018), 46.

⁷ Như trên, 47.

⁸ Như trên, 52.

“đã và vẫn luôn là một cảm kị ngay cả ở những nơi nó được cho là hợp pháp”¹. Điều nghịch lý ở đây là nguyên nhân nằm ở chỗ khi “hôn nhân càng trở thành một lựa chọn cá nhân, những kì vọng về nó lại càng tăng lên một cách đáng kể”². Đây cũng chính là một mô tả thích đáng cho bối cảnh hình thành ý niệm tình yêu và hôn nhân trong xã hội Việt Nam giai đoạn đầu thế kỉ XX. Ở các giai đoạn trước đó, hôn nhân được coi là nền móng của “tòa xã hội”, việc li dị, thay vì được nhìn như những quyết định mang tính cá nhân, cũng được xem xét trước hết dựa trên khả năng đảm bảo nền móng chung này. Từ đó dẫn tới hệ quả tất yếu là trong các bộ luật thời phong kiến (như luật Hồng Đức hay luật Gia Long), dấu trải nghiệm hạnh phúc của mỗi cá nhân (đặc biệt là của người phụ nữ) có được tính đến, thì cũng là vấn đề được cân nhắc cuối cùng và được dành một dung lượng quá ít ỏi và lép vế so với những quy định li hôn nhằm bảo toàn quyền lực gia trưởng của nam giới cùng lợi ích của những tập thể lớn hơn như gia đình (nhà chồng), chẳng hạn quy định về “rầy vợ” và “thất xuất” trong hai bộ luật trên; hoặc nhằm đảm bảo nền tảng đạo đức theo quy phạm xã hội như li hôn bắt buộc và các trường hợp bị cho là “nghĩa tuyệt”³. Trái lại, trong bối cảnh hiện đại đầu thế kỉ XX, tình yêu lãng mạn được coi là tiền đề và trải nghiệm hạnh phúc của mỗi cá nhân trở thành vấn đề then chốt trong các cuộc hôn nhân (hay hôn nhân đã được gắn chặt với “mục đích phải khiến các cá nhân cảm thấy hạnh phúc”⁴), thì việc li dị dựa trên những cân nhắc và quyết định cá nhân (thay vì những đòi hỏi xã hội) cũng trở nên phổ biến ở một mức độ chưa từng có, gần như dẫn tới một cuộc khủng hoảng về tự do li hôn, như lời than phiền của Đỗ Thận - một trí thức đương thời: “đã tự do li hôn được, thì tự do kết hôn cũng được, pháp luật cũng không cấm, cho nên lại thành ra một cái dịch hại rất ghê gớm vậy”⁵. Điều này có thể được giải thích từ ý thức về sự giải phóng phụ nữ, sự thay đổi về luật pháp, hay những chuyển biến trong bối cảnh và điều kiện xã hội. Tuy nhiên, như Elaine Tyler May chỉ ra, chính những kì vọng ngày càng tăng về sự hài lòng và hạnh phúc cá nhân như một hệ quả của cuộc đấu tranh kết hôn tự do vì tình yêu vô hình trung đã đặt thêm gánh nặng lớn lên hôn nhân. “Sự thất bại” của những cuộc hôn nhân, bởi thế, không tách rời với “những kì vọng được sinh ra bởi sự lãng mạn”⁶. Nếu như ở giai đoạn trước, việc phản ứng với hôn nhân sắp đặt khiến mong đợi tình yêu tự do cá nhân được đẩy lên cao và được cho là sẽ làm nền tảng cho hạnh phúc của đôi lứa, gia đình và toàn xã hội, thì hệ quả là những áp lực về “cuộc hôn nhân hạnh phúc” vì được tự do kết hôn lại càng tăng lên. Trong khi ấy, những chỉ dẫn (những mẫu hình) về tình yêu lãng mạn và hạnh phúc yêu đương không (hay chưa) cung cấp một hình dung nào về việc người ta phải làm gì trong hôn nhân, hay phải làm thế nào để có được hạnh phúc trong hôn nhân⁷. Trong tình thế đó, việc các nhà hoạt động vì phụ nữ như Đạm Phương đề xuất quay trở lại với các lí tưởng Nho giáo về “đạo vợ chồng”

¹ David Shumway, *Modern Love - Modern, Intimacy, and the Marriage Crisis* (New York University Press, 2003), 22.

² Như trên, 22.

³ Để biết thêm về vấn đề này, xem thêm Nguyễn Thị Thu Vân, “Căn cứ li hôn trong cổ luật Việt Nam,” *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 8 (2005): 58-60.

⁴ Shumway, *Modern Love*, 22.

⁵ Đỗ Thận, “Quan, hôn, tang, tế,” trong *Bulletin de la Société d'enseignement mutuel du Tonkin* (Impr. Kim-Đức-Giang, 1925), 367.

⁶ Dẫn theo Shumway, *Modern Love*, 22-23.

⁷ Shumway, *Modern Love*, 22.

là điều dễ hiểu. Dù thế nào, việc gia tăng tỉ lệ li hôn bị coi là một cuộc khủng hoảng (một “cái nạn” hay một “sự bậy” theo chữ của Phan Khôi) đã cho thấy những quan điểm truyền thống về hôn nhân không dễ mất đi. Mặc dù hôn nhân không còn đóng vai trò nền tảng về quyền lực, quan hệ và địa vị xã hội như trước nữa, nhưng nó vẫn tiếp tục được nhìn như một thành tố căn bản để xây dựng xã hội. Cho đến những bàn luận trên báo *Phong Hoá* vào đầu thập niên 30, những đứt gãy và vênh lệch giữa lí tưởng yêu đương và thực tế hôn nhân đã càng lộ rõ, và lễ giáo lại được coi như một trụ cột vững chắc để quay trở lại và đảm bảo tính bền vững của gia đình¹. Như vậy, hấp lực và sự ràng buộc của truyền thống trong vấn đề tình yêu và hôn nhân vẫn còn khá đáng kể ngay trong một giai đoạn đã có những chuyển mình quan trọng về ý thức cá nhân và quyền phụ nữ.

3. Hình dung và đề xuất về tình yêu - hôn nhân trong văn học nữ đầu thế kỉ XX

Cùng với những thảo luận sôi nổi trên báo chí, các tác phẩm văn chương đầu thế kỉ XX cũng ghi dấu những hình dung và đề xuất mới trong quan niệm về tình yêu và hôn nhân. Ngay từ cuối những năm 1920, văn chương của các tác giả nữ đã đưa ra những hình dung cũng như giải pháp cho khát vọng yêu đương và một cuộc hôn nhân bền vững. Mặc dù sáng tác của các nhà văn nữ thời kì đầu hiện đại này vẫn bị chi phối mạnh mẽ bởi các quan niệm truyền thống và gần như chưa đổi mới về mặt cấu trúc tự sự (từ mô hình cốt truyện đến motif nhân vật), nhưng rất nhiều điểm mới mẻ và những tư tưởng cấp tiến đã được đan cài. Có thể thấy điều đó qua các tiểu thuyết ra đời rất sớm như *Kim Tú Cầu* (1928) của Đạm Phương và *Nữ anh tài* (1928) của Phan Thị Bạch Vân.

3.1. *Kim Tú Cầu*: một khuyến nghị thể hệ trước ủng hộ tự do yêu đương

Kim Tú Cầu được chính Đạm Phương xác định là thuộc thể loại bi tình tiểu thuyết. Những dấu vết của truyện Nôm và truyện tài tử - giai nhân vẫn còn khá đậm nét trong tác phẩm này. Lấy bối cảnh là “hồi ba bốn mươi năm về trước”, nhân vật nữ chính được xây dựng thuộc giới trung - thượng lưu, quyền quý, có danh giá, nhà ở nơi “phồn hoa đô hội”, “thời cũng toàn là phú quý, trâm anh”; lại là con “một vị hưu quan” nên được “xếp vào hàng danh giá”². Từ vẻ đẹp đến tính tình, Tú Cầu đều đáp ứng tiêu chí về một nàng dâu truyền thống (hay một người yêu/người phối ngẫu theo chuẩn mực sẵn có): vừa môn đăng hộ đối với chàng Ngọc Lan, vừa ý nhị, khiêm nhường, luôn tỏ ra mình là kẻ thuộc về chôn phòng khuê.

Nếu như trình độ hiểu biết của phụ nữ luôn được đánh giá cao khi xem xét tiêu chí làm dâu của các gia đình thượng lưu trí thức (vì có thể lo toan chu toàn cho việc dạy dỗ con cháu sau này³), thì trình độ học vấn của Tú Cầu, so với Ngọc Lan, cũng không kém cạnh: “Tú Cầu cùng với Ngọc Lan từ bé cùng học với nhau một trường”⁴. Đổi lại, ý trung nhân của nàng cũng mang đầy đủ phẩm chất của một “chú rể xứng đôi vừa lứa”⁵ trong quan niệm thực tế cũng như trong những mẫu hình văn thơ trước đó, nghĩa là vừa mang dáng điệu, phẩm chất của một thư

¹ Xem Đoàn Ánh Dương và những người khác, *Tự Lực văn đoàn - Vấn đề phụ nữ ở nước ta* (NXB Phụ nữ, 2021), 163.

² Đoàn Ánh Dương, *Đạm Phương nữ sử*, 550-551.

³ Trần Tuyết Nhung, *Các thành tố gia đình*, 101.

⁴ Đoàn Ánh Dương, *Đạm Phương nữ sử*, 551.

⁵ Trần Tuyết Nhung, *Các thành tố gia đình*, 99.

sinh, vừa có tấm lòng đa tình của người tài tử. Ngọc Lan, không những thế, còn đáp ứng tiêu chí của một học trò theo đòi khoa cử, hứa hẹn đem lại sự vẻ vang cho gia đình nhà vợ sau này. Ở giai đoạn đầu, chuyện tình của hai người mô phỏng gần như chính xác mô hình lí tưởng “thanh mai trúc mã” trong quan hệ trai gái thời xưa. Đáng kể hơn, cả hai bên lại dù đã cảm tình thắm thiết nhưng vẫn giữ được sự trọng vọng, thuận theo ý nguyện của hai bên song thân (tức là nhận được sự trợ lực của mạng lưới gia đình): “hai cha mẹ đã lấy tình thân qua các, không tị hiềm nghi, cho hai người qua lại chơi đùa với nhau, hơi tiếng quen nhau, ý tứ biết nhau, kíp tới khi khôn lớn, lại càng thân mật bội phần”¹.

Những biến cố sau đó trong *Kim Tú Cầu* thực chất vẫn trung thành gần như tuyệt đối mô hình cốt truyện tài tử - giai nhân: từ gặp gỡ - đính ước đến gia biến - lưu lạc và cuối cùng là đoàn viên. Khi Ngọc Lan “bận vì việc nhà phải đi”, một mình Tú Cầu ở lại, không “thể nào trái lệnh cha mẹ được”, đành chấp nhận làm vợ lẽ của một viên quan, tới khi chồng chết, “gia sản bị lừa gạt”, “phải lưu lạc đất khách quê người”, “kịp đến gian nhân cướp bóc, đem bán cho người Hoa kiều, phải tay vợ cả nông nản rồi tự tử”². Những tai ách trầm luân này (chủ yếu đổ lên “thân” nữ giới) cũng là một đặc trưng tiêu biểu của truyện tài tử - giai nhân. Dù vậy, phần cuối truyện đã bước ra khỏi mô hình đoàn viên để có một kết thúc mang xu hướng Kim - Kiều. Sau những sóng gió dập vùi, phải chịu “thất thân” vì những kẻ độc địa tà tâm, trong màn tái hợp, Tú Cầu vẫn khước từ kết đôi với Ngọc Lan, không chỉ vì cái nạng còn chỉ là một phần hồn oan khuất, mà còn bởi: “Tuy tình luyến ái lên đến cực điểm, mà vẫn vẹn về đường chính, để cho thiên hạ, si nam, oan nữ, ngõ hầu biết cái chí khuynh hướng của chúng ta, mà đổi cái tà tâm vọng niệm, không nên vì sự cầu hiệp mà nên gia đạo được”³. Lời nhắc nhở về việc khi “luyến ái” vẫn phải giữ trong vòng “chính đạo” vừa thể hiện cái nhìn khu biệt giữa “tình yêu” và “dục tính” (cầu hiệp) - một cái nhìn đậm chất Nho gia; nhưng cũng vừa thể hiện ở Đạm Phương một sự ý thức sâu sắc và hết sức thực tế về tính bất khả của việc một người nữ, sau những sóng gió dập vùi, vẫn có thể có được nguyên vẹn hạnh phúc trong hôn nhân (dẫu là người mình yêu và lựa chọn).

Việc Đạm Phương giới thuyết bối cảnh câu chuyện từ cuối thế kỉ trước cùng cách nói “thời bấy giờ” vừa ngầm khẳng định hiện tại đã là một “thời buổi khác”⁴, vừa như ngầm đòi hỏi một sự thay đổi trong quan niệm và thực hành. Quan niệm và thực hành đầu tiên cần đổi khác, như Đạm Phương chỉ rõ, là sự “cố chấp bình sinh hay tin thuật số” và thói ham mê nhanh chóng có được của cải tiền tài, mong được cải thiện về danh giá, nhưng lại qua con đường “ép gả” con gái của các bậc phụ huynh. Bậc phụ huynh bị Đạm Phương lên tiếng tố cáo trong truyện này là những người đặt toàn bộ niềm tin, thậm chí đặt định mệnh con gái mình vào những lời bói thuật, từ đó ép buộc con phải bước vào cuộc hôn nhân không tình yêu với một vị quan lớn tuổi⁵. Phê phán này được Đạm Phương thẳng thắn tuyên bố trong “Lời bàn” cuối truyện. Bà khẳng định bản thân bà viết từ “một cái bi quan về phong tục thời đại, có ảnh hưởng và quan

¹ Đoàn Ánh Dương, *Đạm Phương nữ sử*, 551.

² Như trên, 585.

³ Như trên, 548.

⁴ Như trên, 550.

⁵ Như trên, 552.

hệ cho phụ nữ nước ta rất nhiều”: “Giả sử phong tục thuần túy, giáo dục chính đáng, đâu có những người làm cha mẹ hủ bại đi tin thuật số, trọng sự lợi danh mà làm rối duyên con [...] Sinh thân người con gái đàn bà hồi bấy giờ, chẳng còn công lí, tự chủ gì hết thảy, đau đớn thay! Khóc hại thay! Những người làm cha mẹ há chẳng nên lấy đó làm gương hay sao?”¹.

Như thế, trong khi dùng lại một mô hình cốt truyện có về “tâm thường” (lời của Đạm Phương), khuôn sáo, bà lại tìm cách đặt ra những câu hỏi mới về vấn đề hôn thú - điều bà đã thể hiện sự trăn trở qua nhiều bài xã luận trên báo chí. Sự ích kỉ của mẹ cha trong việc quyết định hôn nhân cho con (đặc biệt là con gái), không quan tâm đến tình cảm, cảm xúc riêng của con, chỉ cốt “giữ vững thân danh của mình, lây lất mà hưởng sự sung sướng”, ở đây, còn bị Đạm Phương công kích gay gắt hơn nữa: “đê tiện tàn nhẫn không gì cho bằng”, “thật là phạm một điều luật giết con vậy”². Nguồn cơn khổ đau của các cô gái (mà “bi tình” chỉ là một trong số ấy), theo đó, được luận tội từ chính gia đình: “Phong tục suy đồi nhân tình điên đảo chính do các gia đình trong xã hội tạo nhân ra cả”³. Và một cách gián tiếp, việc được tự do yêu và lấy người mình yêu được xác định như là một hứa hẹn “tạo thành phúc quả cho những nhân loại vị lai”⁴. Nghĩa là cái nhìn cởi mở với ái tình và hôn nhân, việc tôn trọng cảm tình của lứa đôi, đặt tình ái lên trên các tính toán cân nhắc mang tính cộng đồng/tập thể khác không chỉ hứa hẹn một đời sống hạnh phúc hơn cho người nữ, mà cho cả nhân quần. Trong thiên “bi tình” này, mặc dù tình yêu vẫn bị đặt bên lề/ bên ngoài hôn nhân (Tú Cầu cuối cùng se duyên cho Ngọc Lan với Thổ Nhi như một cách “giúp cho chàng có một tay nội tướng rất vững”⁵), nhưng nó hứa hẹn niềm mong cầu và đòi hỏi về một sự đổi khác, khi ái tình có thể đi tới hôn nhân và hôn nhân bao chứa cả ái tình trong đó.

3.2. Nữ anh tài: Tự chủ về tình yêu trong quan hệ với tự chủ về kinh tế

Tiểu thuyết *Nữ anh tài* được Phan Thị Bạch Vân viết dưới bút danh Hoàng Thị Tuyết Hoa. Mặc dù chính nữ sĩ xác định rằng tác phẩm này “hoàn toàn chuyên về mặt phụ nữ với chức nghiệp”⁶, song nó đã hé lộ nhiều sự dịch chuyển trong quan niệm về tình yêu và hôn nhân. Giống với *Tây phương mỹ nhân* (Huỳnh Thị Bảo Hòa) và *Kim Tú Cầu* (Đạm Phương), tiểu thuyết của Phan Thị Bạch Vân cũng sử dụng mô hình truyện tài tử - giai nhân. Mỗi tình Tú Anh - Hồng Minh là thứ tình “thanh mai trúc mã”, vừa có sự cảm mến gắn bó, vừa được sự ủng hộ của hai nhà để hẹn ước “gá nghĩa trăm năm”. Nhưng vì gia đình Tú Anh lỡ vận sa sút nên cha mẹ Hồng Minh thay đổi ý định, muốn gả con trai mình cho Ngọc Liên - một tiểu thư con nhà gia thế. Trước những tính toán nặng tính kinh tế - chính trị của gia đình, Hồng Minh phản đối, không phải vì chối bỏ Ngọc Liên, mà vì sợ sẽ thành kẻ bất nghĩa với Tú Anh⁷. Như thế, Hồng Minh có thể xếp vào hạng nam giới chính trực, chung tình, đáng để một người nữ yêu thương tin tưởng. Dầu vậy, khớp với mô hình truyện tài tử - giai nhân, hai người phải chịu cách xa biên biệt để thử thách

¹ Đoàn Ánh Dương, *Đạm Phương nữ sử*, 586.

² Như trên, 586.

³ Như trên, 586.

⁴ Như trên, 586.

⁵ Như trên, 548.

⁶ Hoàng Thị Tuyết Hoa, *Nữ anh tài*, Tập 6 (Nữ lưu thơ quán, 1928), 25.

⁷ Đoàn Ánh Dương và những người khác, *Phan Thị Bạch Vân - Văn để phụ nữ ở nước ta* (NXB Phụ nữ, 2023), 74.

tâm tình. Chàng đi du học, nằng ở nhà chịu đủ cảnh éo le, bị lừa dối, bị hàm oan, bị bắt vào sào huyệt của những tên thảo khấu, rồi lỡ bước lưu lạc xứ người, bao nhiêu thử thách dồn lên một tấm thân con gái; cuối cùng mới đến cảnh đoàn viên, đôi lứa sum vầy.

Điểm đáng kể là trên khung cốt truyện quen thuộc ấy, Phan Thị Bạch Vân đã bổ sung những tình tiết mới về việc phụ nữ chủ động đảm đương các vấn đề kinh tế: “nào là hội buôn, nào là thợ xã, nào là hội phụ nữ liên lập, nào sở tầm tơ urom dệt [...] Đến lúc nguy hiểm gian truân lỡ bước ở quê người, lại còn đi nghiên cứu ở các hội phụ nữ Trung Quốc, để sau về chỉ bảo lại chị em nước nhà”¹. Thoạt nhìn tưởng không nhiều can hệ, nhưng sự chủ động về mặt kinh tế và việc có được tiếng nói chính trị chính là nguồn cơn cốt yếu cho sự tự quyết về hôn sự và hạnh phúc cá nhân của nhân vật Tú Anh. Khi gia đình sa sút, nằng vẫn giữ trọn đạo làm con, nhưng không phải chỉ bằng vào việc “làm dâu nhà người”, Tú Anh mới có thể giúp gia đình vực lại kinh tế, có lại được thanh danh. Chính khả năng tự gây dựng kinh tế đã đảm bảo cho nằng một sự tự quyết mà cha mẹ cũng không can thiệp được. Như lời Lê ông: “Hôm nay nhà họ Lê mà được vẻ vang đây cũng là nhờ một tay nó. Bỏn phận làm con như thế cũng đủ rồi, có lẽ nào tôi lại ỷ quyền làm cha mẹ mà ép uổng cho nó buồn lòng hay sao?”².

Như vậy, sự chủ động tài chính đã giải phóng nhân vật nữ chính khỏi gánh nặng kết hôn vì trách nhiệm gia đình; hơn thế, về tình yêu, nó khiến cho “nữ giới bớt phải cân nhắc, lựa chọn hôn nhân vì lí do kinh tế; đôi lại, có thể tập trung hơn vào việc nghĩ về tình yêu như một lí do đi tới hôn nhân”³. Tú Anh, do đó, có thể mạnh mẽ từ chối những lời hỏi cưới khác để chờ người mình muốn chờ. Một hoạt cảnh song song khá ấn tượng được tác giả xây dựng trong tiểu thuyết là cảnh đồng hiện giữa bên này là Lê ông cùng Văn Đạt lo nghĩ chuyện trăm năm cho Tú Anh; bên kia là “Tú Anh cùng các cô thiếu nữ lại bàn những vấn đề phụ nữ và tính những công việc hội hàng”⁴. Có thể thấy, người nữ đã không còn thụ động chờ đợi nam giới trong gia đình phán quyết một “chuyện đại sự” như việc hôn phối, mà đã bước khỏi không gian gia đình, xây dựng một không gian hoạt động xã hội của riêng mình, chủ động trong kinh tế, từ đó chủ động trong việc yêu đương cũng như quyết định người mình muốn kết hôn. Điều này có lẽ cũng đúng với chính Phan Thị Bạch Vân - người đã sáng lập và điều hành Nữ lưu thơ quán Gò Công, lập Nữ lưu ấn quán, mở rộng kinh doanh, xuất bản sách dành cho phụ nữ, với mong muốn “cầu danh dự cho nữ lưu Việt Nam”⁵.

Cuối cùng, như nhà văn gợi ý, một khi người nữ đã tự đảm bảo được cho mình một vị thế kinh tế vững mạnh, một tiếng nói chính trị uy quyền, thì cũng không bị lép vế trong gia đình mà bình đẳng, thậm chí có được sự kính trọng từ phía vị hôn phu. Như thái độ Hồng Minh khi viết thư gửi Tú Anh: “em lại làm ra tài tự lập đáng soi gương cho bạn hồng quần. Đã vậy em còn lo hậu vận nước nhà, bày lập hội hàng giúp cho phe nữ giới, em lại mến yêu người đồng loại nên đã giúp đỡ cho lắm kẻ khó hèn, anh thấy vậy rất vui mừng cho em, kính phục em”; và Hồng Minh, một du học sinh Pháp trở về, còn tự nhận mình chỉ mong đóng vai trò “phụ lực”

¹ Hoàng Thị Tuyết Hoa, *Nữ anh tài*, 25.

² Như trên, 9.

³ Beall and Sternberg, “The Social Construction of Love,” 427.

⁴ Hoàng Thị Tuyết Hoa, *Nữ anh tài*, 9.

⁵ Đoàn Anh Dương và những người khác, *Phan Thị Bạch Vân*, 6.

cho người vợ mình yêu¹. Đây là một sự đảo chiều đáng kể về vai trò giới, đặc biệt là trong bối cảnh cách đây một thế kỉ. Vừa có sự tự quyết, vừa được người yêu nể trọng, Tú Anh cuối cùng được hưởng cảnh “đậm đà thân yêu” với người chồng “tri kỉ”². Đây có lẽ chính là niềm mong mỏi của tác giả về tương lai tươi sáng hơn cho nhiều thân phận phụ nữ Việt (một hạnh phúc do mình định đoạt và nhờ sự vững vàng kinh tế tự thân mà có được), dấu hiệu tại còn đang phải chứng kiến cảnh “đàn bà An Nam còn dốt nát nhiều, và bị nhiều điều áp chế dưới quyền đàn ông”, như chính lời biện hộ của bà dành cho cuốn *Nữ anh tài* trước tòa án Mỹ Tho dưới chính quyền thuộc địa³.

4. Kết luận

Thế kỉ XX ghi dấu một sự chuyển mình rõ rệt trong quan niệm về tình yêu và hôn nhân tại Việt Nam. Trước đó, như quan sát của Bloch, hôn nhân của giới trung thượng lưu ở thời kì trung đại về bản chất là “một hiệp ước được thương lượng giữa các gia đình; trong đó, mạng lưới quan hệ họ hàng phức tạp giữa các dòng họ thời phong kiến phụ thuộc vào việc giám sát cẩn thận các mối quan hệ hôn nhân. Đặc biệt, nó giả định một hệ thống hôn nhân liên quan đến việc hứa hôn sớm, kết hôn sớm (tảo hôn), và trên hết là việc lựa chọn bạn tình do gia đình hay những người có quyền lực cao trong hệ thống phong kiến phán định”⁴. Sự chuyển biến trong quan niệm tình yêu ở Việt Nam đầu thế kỉ XX đã đưa đến những thay đổi mang tính quyết định của tư duy về hôn nhân. Những đòi hỏi về việc hôn nhân xuất phát từ tình yêu bắt đầu nổi lên như một phản ứng với quan niệm truyền thống vốn không lấy hạnh phúc cá nhân làm trung tâm; nhưng sau đó, một tranh luận phức tạp hơn về quan hệ giữa tình yêu và hôn nhân trở thành tâm điểm của các diễn ngôn. Bài viết đã chỉ ra cách những tiếng nói nữ ở thập niên 1920 góp phần vào cuộc tranh luận và định hình lại ý niệm về tình yêu và hôn nhân lúc bấy giờ, từ đó cho thấy họ đã thương thỏa với truyền thống như thế nào khi kế thừa các mô hình luân lí cũng như các mô thức tự sự, đồng thời đề xuất những quan điểm mới mẻ có tính cách mạng và giàu tinh thần nữ quyền.

Tài liệu tham khảo

Beall, Anne E., and Robert J. Sternberg. “The Social Construction of Love.” *Journal of Social and Personal Relationships*, Issue 3 (1995): 417-438.

Bloch, R. Howard. *Medieval Misogyny and the Invention of Western Romantic Love*. University of Chicago Press, 2009.

Đào Thị Hải Thanh. *Người đọc và các không gian tiếp nhận văn học: Về lịch sử tiếp nhận tiểu thuyết Tự lực văn đoàn*. NXB Hội Nhà văn, 2025.

Đoàn Ánh Dương. *Đạm Phương nữ sử - Vấn đề phụ nữ ở nước ta*. NXB Phụ nữ, 2018.

Đoàn Ánh Dương. “Phan Thị Bạch Vân - nữ nhà báo, nhà văn, chủ cơ sở sản xuất vì nữ

¹ Hoàng Thị Tuyết Hoa, *Nữ anh tài*, 23.

² Như trên, 25.

³ Đoàn Ánh Dương, “Phan Thị Bạch Vân - nữ nhà báo, nhà văn, chủ cơ sở sản xuất vì nữ quyền đầu tiên ở Nam Kỳ,” *Bảo tàng lịch sử*, ngày 22.06.2021, <https://baotanglichsu.vn/vi/Articles/3098/72295/phan-thi-bach-van-nu-nha-bao-nha-van-chu-co-so-xuat-ban-vi-nu-quyen-djau-tien-o-nam-ky.html>

⁴ R. Howard Bloch, *Medieval Misogyny and the Invention of Western Romantic Love* (University of Chicago Press, 2009), 196.

- quyền đầu tiên ở Nam Kỳ.” *Bảo tàng lịch sử*, ngày 22.06.2021. <https://baotanglichsu.vn/vi/Articles/3098/72295/phan-thi-bach-van-nu-nha-bao-nha-van-chu-co-so-xuat-ban-vi-nu-quyen-djau-tien-o-nam-ky.html>
- Đoàn Ánh Dương, Nguyễn Minh Huệ, Vũ Thị Thanh Loan và Đào Thị Hải Thanh. *Tự Lực văn đoàn - Vấn đề phụ nữ ở nước ta*. NXB Phụ nữ, 2021.
- Đoàn Ánh Dương, Nguyễn Thị Lan Anh và Vũ Thị Thanh Loan. *Phan Thị Bạch Vân - Vấn đề phụ nữ ở nước ta*. NXB Phụ nữ, 2023.
- Đỗ Minh Thúy. “Cái tôi lãng mạn và nhân vật Tố Tâm của nhà văn Hoàng Ngọc Phách.” *Tạp chí Văn học*, số 2 (1997).
- Đỗ Thận. “Quan, hôn, tang, tế.” *Bulletin de la Société d’enseignement mutuel du Tonkin*. Imprimerie Kim-Đức-Giang, 1925.
- Hoàng Thị Tuyết Hoa. *Nữ anh tài*. Tập 6. Nữ lưu thơ quán, 1928.
- Lại Nguyên Ân. *Phan Khôi - Vấn đề phụ nữ ở nước ta*. NXB Phụ nữ, 2018.
- Lại Nguyên Ân và Nguyễn Kim Hiền. *Dur luận nữ quyền tại Huế (1926 - 1929) trên sách báo đương thời*. NXB Phụ nữ, 2021.
- Marr, David G. *Vietnamese Tradition on Trial: 1920 - 1945*. California Press, 1981.
- Nguyễn Nam. “Phụ nữ tự sát - lỗi tại tiểu thuyết? (Một góc nhìn về phụ nữ với văn chương - xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX).” *Khoa Văn học*, ngày 22.5.2018. <http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/nghien-cuu/ly-luan-va-phe-binh-van-hoc/7017-phu%CC%A3-n%CC%B0%CC%83-t%CC%B0%CC%A3-sa%CC%81t-1%CC%B4%CC%83i-ta%CC%A3i-ti%CC%89u-thuy%CC%81t-m%CC%B4%CC%A3t-go%CC%81c-nhi%CC%80n-v%CC%80-phu%CC%A3-n%CC%B0%CC%83-v%CC%A1%CC%81i-v%CC%83n-ch%CC%B0%CC%A1ng-xa%CC%83-h%CC%B4%CC%A3i-vi%CC%A3t-nam-%CC%91%CC%A2%CC%80u-th%E1%BA%BF-k%E1%BB%B7-xx-l%CC%B0%E1%BB%A3c-tr%CC%ADch.html>.
- Nguyễn Thị Thu Vân. “Căn cứ li hôn trong cổ luật Việt Nam.” *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 8 (2005): 55-61.
- Phạm Thế Ngũ. *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên*. Tập III. Quốc học tùng thư, 1965.
- Tran, Ben. *Hậu khoa cử: Nam tính và thẩm mỹ hiện đại ở Việt Nam thời thuộc địa*. Mai Thị Thu Huyền và Đặng Thị Thái Hà dịch. NXB Thế giới, 2025.
- Trần Đình Sử. “*Truyện Kiều* và tiểu thuyết tài tử giai nhân Trung Quốc.” *Trần Đình Sử*, ngày 31.03.2021. <https://trandinhhu.wordpress.com/2021/03/31/truyen-kieu-va-tieu-thuyet-tai-tu-giai-nhan-trung-quoc/>
- Trần Tuyết Nhung. *Các thành tố gia đình. Giới tính, chính quyền và xã hội ở Việt Nam thời kì cận đại, 1463 - 1778*. Đặng Thị Thanh Dung dịch. NXB Phụ nữ, 2023.
- Trương Từ. “*Tố Tâm* của Song An.” *Loa*, số 75, ra ngày 25.07.1935.
- Trần Thị Trâm. “Tiểu thuyết *Tố Tâm* và vị trí của tác phẩm trong quá trình phát triển của tiểu thuyết Việt Nam hiện đại.” *Luận án phó tiến sĩ khoa học, Đại học Sư phạm Hà Nội*, 1996.